

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý
khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 90/1997/TTLT/TC-NN ngày 19/12/1997 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 249/2004/QĐ-UB ngày 06/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi do Trung tâm Chuyên gia công nghệ quản lý nước và công trình thủy lợi thuộc Cục Thủy lợi lập; văn bản thẩm định số 3213/BNN-TL ngày 18/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 977/TTr-SNN&PTNT ngày 05/7/2007 và Công văn số 1614/SNN&PTNT ngày 02/11/2007 về việc xin ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Công ty Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh, kèm theo hồ sơ định mức kinh tế kỹ thuật do Trung tâm Chuyên gia công nghệ quản lý nước và công trình thủy lợi lập; Báo cáo thẩm định số 133/BC-STP ngày 12/9/2007 của Sở Tư pháp Quảng Ngãi thẩm định dự thảo Quyết định về việc ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh quản lý, làm cơ sở để giao kế hoạch sản xuất và kinh doanh của Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh hằng năm (*có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng các định mức, phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện, tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động -Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

-
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

1. Định mức lao động và đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm

1.1 Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm của Công ty KTCTTL tỉnh là: 4,186 công/ha diện tích tưới, tiêu được nghiệm thu quy đổi.

1.2 Đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm: Đơn giá tiền lương trên một đơn vị sản phẩm của Công ty KTCTTL tỉnh được xác định theo định mức lao động nêu tại mục 1.1 ở trên và quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và thu nhập của các công ty nhà nước.

2. Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng

Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng nhằm xác định nhu cầu nước tưới tại mặt ruộng cho từng đợt tưới, suất vụ tưới để từ đó tính toán cân đối khả năng nguồn nước có thể cung cấp, tính toán chế độ tưới hợp lý, tiết kiệm nước, điện năng và giảm các mức hao phí lao động và nhân công không cần thiết tránh lãng phí. Định mức chi tiết như bảng sau:

Đơn vị: m³/ha

TT	Đặc trưng địa chất	Lúa Đông Xuân	Lúa Hè Thu	Cây trồng vụ 3
1	Cát hạt thô đến vừa màu xám đến xám sáng chứa nhiều dăm sạn thạch anh góc cạnh. Đất rời rạc, kết cấu kém chặt, nguồn gốc dQ	6.269	7.484	5.988
2	Cát hạt trung màu xám vàng, nâu đỏ chứa nhiều rễ cây và xác thực vật, đất rời rạc, kết cấu kém chặt, nguồn gốc dQ	6.249	7.362	5.848
3	Á cát nhẹ màu xám, xám sáng, bạc màu chứa nhiều sỏi sạn thạch anh góc cạnh. Trạng thái tự nhiên cứng, kết cấu kém chặt đến vừa chặt. Lớp này phân bố khá rộng rãi trong vùng và nằm trên bề mặt hầu hết toàn bộ các tuyến kênh. Nguồn gốc adQ	5.964	6.813	5.728
4	Á cát hạt mịn màu xám đen, xám vàng chứa rễ cây và xác hữu cơ. Trạng thái tự nhiên nửa cứng đến dẻo mềm. Kết cấu kém chặt. Nguồn gốc adQ	5.858	6.693	5.668
5	Á sét nhẹ màu vàng, vàng nhạt đến vàng xẫm chứa các hạt sỏi thạch anh nhỏ góc cạnh. Trạng thái tự nhiên cứng. Kết cấu kém	5.494	6.549	5.328

chặt đến chặt. Nguồn gốc edQ. Lớp này phân bố trên toàn các tuyến kênh với bề dày chừng 2,0m đến 3,0m			
---	--	--	--

3. Định mức tiêu thụ điện năng cho công tác tưới tại đầu mỗi các trạm bơm

Định mức tiêu thụ điện năng cho tưới bình quân được tính toán cho 1 đơn vị sản phẩm hoàn chỉnh (ha nghiệm thu) ứng với tần suất 75%. Định mức chi tiết như sau:

Nội dung	Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ 3
Lượng mưa (mm - ứng với tần suất 75%)	317,61	534,95	742,38
Định mức điện giao khoán (kwh/ha)	426,67	490,59	365,81

Trong thực tế, khi lượng mưa thay đổi hàng năm được nhân với hệ số điều chỉnh theo tổng lượng mưa vụ và phân bố mưa (Chi tiết xem trong thuyết minh và phụ lục tính toán).

4. Định mức vật tư, nguyên liệu cho công tác bảo dưỡng máy móc, thiết bị cho Công ty như sau:

Đơn vị: kg/năm

TT	Loại vật tư	Định mức
1	Dầu nhòn	1.426,42
2	Dầu Điezen	1.255,80
3	Mỡ các loại	2.256,81
4	Giẻ lau	1.707,68
5	Sơn các loại	903,20
6	Sợi amiăng	60,37
7	Xăng	525,02
8	Dầu thủy lực	2.200,00

Một số vật tư phụ khác trong công tác bảo dưỡng được tính bằng 5% giá trị các vật tư, nguyên liệu trong bảng trên.

5. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được xác định bằng tỷ lệ % nguyên giá tài sản cố định của công trình do đơn vị quản lý. Định mức sửa chữa thường xuyên của Công ty Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi là 0,503 % nguyên giá tài sản cố định. Giá trị tài sản cố định được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2006.

6. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp.

Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi là 18,32 % tổng quỹ tiền lương năm kế hoạch theo đơn giá ứng với mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước./.